

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2023/DS-ST

Ngày: 23/3/2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Nam

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S,

Địa chỉ trụ sở: Lầu A, số B đường N, phường C, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh S; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh An Giang.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Trung Q; chức vụ: Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần S. Theo Giấy ủy quyền ngày 19/9/2022. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị Cẩm M, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số E khóm D, phường T, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Trung Q trình bày:

Ngày 29/05/2018, bà M có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà M, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.756.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà M đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 21.340.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).

Tính đến ngày 23/3/2023, bà M còn thiếu là 45.467.940 đồng, cụ thể như sau: Nợ gốc: 18.166.688 đồng; lãi quá hạn: 27.301.252 đồng

Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà M, yêu cầu bà M có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà M trả nợ, tuy nhiên bà M vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bà Đoàn Thị Cẩm M phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 23/3/2023 là 45.467.940 đồng. Trong đó nợ gốc là 18.166.688 đồng và lãi quá hạn là 27.301.252 đồng, bà Đoàn Thị Cẩm M còn có trách nhiệm khoản lãi phát sinh từ ngày 24/3/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng mà bà M đã ký kết với Ngân hàng.

Bị đơn bà Đoàn Thị Cẩm M không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

ngiht án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Ngày 29/05/2018, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Đoàn Thị Cẩm M có ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Từ khi được cấp thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 29.756.000 đồng và đã thực hiện thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.340.000 đồng. Tính đến ngày 23/3/2023, bà M còn nợ các khoản sau: Nợ gốc là 18.166.688 đồng; lãi quá hạn là 27.301.252 đồng. Nay Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bà Đoàn Thị Cẩm M phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/3/2023 là 45.467.940 đồng. Đồng thời bà M phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, do giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng tín dụng và phía bị đơn sử dụng thẻ tín dụng làm sinh sinh nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/02/2023. Tuy nhiên, theo các bản tóm tắt sao kê ngày 23/3/2023, bà M đã trả vốn, lãi, phí lần cuối vào ngày 22/9/2019, số tiền còn nợ cuối kỳ là 15.449.918 đồng nhưng Ngân hàng lại cộng các khoản lãi, phí từ ngày 22/10/2019 đến ngày 22/01/2020 là 18.166.688 là nợ gốc và tính lãi suất nợ quá hạn là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M. Do đó, xác định số nợ gốc bà M giao dịch còn nợ đến thời điểm chuyển sang nợ quá hạn là 15.449.918 đồng.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, đề nghị HĐXX Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên:

Căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc bà Đoàn Thị Cẩm M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền 40.457.685 đồng, trong đó: nợ gốc: 15.449.918 đồng, lãi trong hạn: 1.611.991 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 23/3/2023 là 22.615.710 đồng và phí trễ hạn 780.066 đồng. Đồng thời bà M phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện bà Đoàn Thị Cẩm M yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/9/2008. Do đó, xác

định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà M đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Long Xuyên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn do bà M đã di cư địa phương từ năm 2018. Tại đơn khởi kiện Ngân hàng đã ghi đúng địa chỉ của bà M theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 29/05/2018 và qua kết quả xác minh do Công an phường T cung cấp, xác định bà M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số E, tổ F khóm D, phường T, thành phố X, tỉnh An Giang. Hiện nay bà M đã bỏ địa phương đi mà không thông báo cho Ngân hàng biết là cố tình giấu địa chỉ. Bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà M và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn.

[2.2] Ông Nguyễn Trung Q - Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh An Giang là người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S (theo Giấy uỷ quyền ngày 19/9/2022). Thủ tục uỷ quyền phù hợp với quy định pháp luật nên ông Q tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Đoàn Thị Cẩm M ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng vào ngày 02/6/2018 với nội dung: Ngân hàng đồng ý mở thẻ tín dụng cho bà M với hạn mức sử dụng 15.000.000đ, lãi suất 31,2%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, với mục đích: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 29.756.000 đồng và đã thực hiện thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.340.000 đồng. Do bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà M phải trả tổng số tiền là 45.467.940 đồng (trong đó nợ gốc là 18.166.688 đồng và lãi quá hạn là 27.301.252 đồng), đồng thời yêu cầu bà M phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi trả dứt nợ.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) giữa Ngân hàng và bà M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này có giá trị pháp lý. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía bà M đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn là vi

phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà M có trách nhiệm thanh toán vốn, lãi còn nợ và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, phía Ngân hàng cho rằng bà M còn nợ vốn lãi đến ngày 23/3/2023 là 45.467.940 đồng, trong đó: nợ gốc 18.166.688 đồng và lãi quá hạn là 27.301.252 đồng là chưa phù hợp, cụ thể:

[3.3] Theo các bản tóm tắt sao kê ngày 23/3/2023, bà M đã trả vốn, lãi, phí lần cuối vào ngày 22/9/2019, số tiền còn nợ cuối kỳ là 15.449.918 đồng nhưng Ngân hàng lại cộng các khoản lãi, phí từ ngày 22/10/2019 đến ngày 22/01/2020 là 18.166.688 là nợ gốc và tính lãi suất nợ quá hạn là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số nợ gốc bà M giao dịch còn nợ đến thời điểm chuyển sang nợ quá hạn là 15.449.918 đồng.

[3.4] Do bà M không thanh toán số tiền đã rút đúng hạn cho Ngân hàng nên ngoài nghĩa vụ thanh toán nợ gốc thì bà M còn phải trả lãi trong hạn, lãi suất nợ quá hạn và tiền phí trễ hạn cho Ngân hàng theo các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà bà M đã ký với Ngân hàng.

[3.5] Đối với tiền lãi trong hạn: Từ ngày 22/9/2019 đến ngày 22/01/2020 là 03 tháng; mức lãi suất các bên thỏa thuận là 2,6%/tháng; nợ gốc là 15.449.918 đồng.

[3.6] Tiền lãi trong hạn: $15.449.918 \text{ đồng} \times 2,6\% / \text{tháng} \times 03 \text{ tháng} = 1.611.991 \text{ đ}$.

[3.7] Đối với tiền lãi quá hạn: Từ ngày 22/02/2020, bà M vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng chuyển toàn bộ nợ sang nợ quá hạn, tính từ ngày 22/02/2020 đến ngày 23/3/2023 là 1126 ngày; mức lãi suất các bên thỏa thuận là 3,9%/tháng; nợ gốc là 15.449.918 đồng.

[3.8] Tiền lãi quá hạn: $15.449.918 \text{ đồng} \times 3,9\% / \text{tháng} \times 1126 \text{ ngày} = 22.615.710 \text{ đ}$.

[3.9] Phí trễ hạn từ ngày 22/10/2019 đến ngày 22/01/2020 là 780.066 đ.

[3.10] Tổng cộng bà M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: $15.449.918 \text{ đồng} + 1.611.991 \text{ đ} + 22.615.710 \text{ đ} + 780.066 \text{ đ} = 40.457.685 \text{ đ}$.

[3.11] Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà M đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà M không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không tham dự phiên tòa và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự và buộc bà M phải có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng.

[3.12] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà M phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tổng số tiền 40.457.685 đ (trong đó: nợ gốc: 15.449.918 đồng, lãi trong hạn:

1.611.991đ , lãi quá hạn tạm tính đến ngày 23/3/2023 là 22.615.710đ và phí trễ hạn 780.066đ). Đồng thời, bà M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4]. Đối với yêu cầu trả số tiền 45.467.940 đồng của Ngân hàng, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần là 40.457.685đ, đối với số tiền chênh lệch 5.010.255đ không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận. Ngân hàng phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 ; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự;

- Khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc bà Đoàn Thị Cẩm M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền 40.457.685đ (bốn mươi bốn trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc: 15.449.918đồng (mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm mười tám đồng), lãi trong hạn: 1.611.991đ (một triệu sáu trăm mười một nghìn chín trăm chín mươi một đồng), lãi quá hạn tạm tính đến ngày 23/3/2023 là 22.615.710đ (hai mươi hai triệu sáu trăm mười lăm nghìn bảy trăm mười đồng) và phí trễ hạn 780.066đ (bảy trăm tám chục nghìn đồng không trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Đoàn Thị Cẩm M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất

mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với yêu cầu buộc bà Đoàn Thị Cẩm M trả số tiền 5.010.255đồng (năm triệu không trăm mười nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Cẩm M phải chịu 2.022.884đ (hai triệu không trăm hai mươi hai nghìn tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.025.000đ (một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001202 ngày 04/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Ngân hàng thương mại cổ phần S còn được nhận lại số tiền 725.000đ (bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương và bà Đoàn Thị Cẩm M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đức Anh